

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NEW ROAD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NEW ROAD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW ROAD TRADING SERVICE CO., LTD

Tên công ty viết tắt: NEW ROAD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1001118253

**3. Ngày thành lập:** 17/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 29, ngõ 2, đường Bùi Sỹ Tiêm, tổ 18, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0904.278.444

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                             | 1322     |
| 2.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc                                                                                        | 1410     |
| 3.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                         | 2512     |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nông thôn, khu đô thị, khu công nghiệp và xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác     | 4290     |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                             | 4311     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                    | 4322     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                     | 4329     |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                | 4390     |
| 9.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn hàng may sẵn                                                                                                            | 4641     |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn văn phòng phẩm. | 4649     |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                      | 5610     |
| 12. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                            | 5630     |

|     |                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công khung nhà thép, khung nhôm cửa kính, cửa nhựa lõi thép                                                                                   | 2511        |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                            | 2592        |
| 15. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                             | 2593        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                             | 5210        |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                     | 6202        |
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế, tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông, công nghiệp                                                                 | 7110        |
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                              | 2599        |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                  | 3314        |
| 23. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                   | 4100(Chính) |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                               | 4210        |
| 25. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình điện từ 35KV trở xuống và các công trình công ích khác.                            | 4220        |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                       | 4312        |
| 27. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                          | 4330        |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu sắt định hình, khung nhà thép, khung nhôm cửa kính, cửa nhựa lõi thép                                            | 4663        |
| 29. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phế liệu; Bán buôn quần áo, mũ, đồ bảo hộ lao động                                                                               | 4669        |
| 30. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vải, quần áo, hàng may sẵn                                                                          | 4751        |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vật liệu sắt định hình, khung nhà thép, khung nhôm cửa kính, cửa nhựa lõi thép | 4752        |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                 | 4759        |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ bảo hộ lao động                                                                                 | 4771        |

|     |                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm | 4773 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính             | 6209 |
| 36. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm       | 7810 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.999.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ ĐỨC ANH       | Thôn 17, Xã Phú Lâm, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam                                               | 1.999.500.000         | 50,000    | 070732569                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN CHUNG | Số nhà 29, ngõ 2, đường Bùi Sỹ Tiêm, tổ 18, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | 1.999.500.000         | 50,000    | 034087004531                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ ĐỨC ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 070732569

Ngày cấp: 12/04/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 17, Xã Phú Lâm, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 206, khu đô thị 379, tổ 35, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Thái Bình